

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 196 /QĐ-ĐHHD ngày 19/ 02/2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)*

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Giáo dục chính trị
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Political education
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành đào tạo:	7140205
Khoa quản lí chương trình:	Chính trị-Tâm lí-Giáo dục học
Đối tượng tuyển sinh:	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Thời gian đào tạo:	4 năm
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	127
Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none">- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo 127 tín chỉ;- Đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và Giáo dục thể chất.
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân Giáo dục chính trị
Vị trí việc làm:	<ul style="list-style-type: none">- Giảng dạy môn Giáo dục công dân tại các trường trung học cơ sở, dạy môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật tại các trường trung học phổ thông;- Giáo viên dạy Chính trị tại các trường trung học chuyên nghiệp & dạy nghề và tại các trung tâm giáo dục thường xuyên;- Giảng viên giảng dạy các môn lý luận chính trị ở các trường đại học, cao đẳng;- Giảng viên dạy tại các Trung tâm Bồi dưỡng chính trị, giảng viên tại trường Chính trị;- Chuyên viên làm việc tại các cơ quan đảng,

	chính quyền, các đoàn thể hoặc các tổ chức chính trị - xã hội.
Khả năng học tập nâng cao trình độ:	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể tiếp tục học tập và nâng cao trình độ ở bậc sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) thuộc chuyên ngành Giáo dục Chính trị và các chuyên ngành thuộc khoa học chính trị. - Có thể tham gia các chương trình/khóa đào tạo, bồi dưỡng sau đại học tại nước ngoài hoặc của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam. - Trên cơ sở những kiến thức, kỹ năng được đào tạo và ngoại ngữ, học viên có khả năng tự nghiên cứu và tiếp cận nguồn tri thức liên quan đến chuyên ngành trong và ngoài nước để cập nhật, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và khả năng, năng lực nghiên cứu - Sinh viên có thể học cùng lúc hai chương trình đào tạo các ngành như Giáo dục Tiểu học, Giáo dục mầm non, Giáo dục THCS, Ngôn ngữ Anh...
Chương trình đào tạo tham khảo:	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình đào tạo Đại học Giáo dục chính trị Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; - Chương trình đào tạo Đại học Sư phạm Giáo dục chính trị Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên.

CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;
- Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;
- Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;
- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông;
- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;
- Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào trường Đại học Hải Dương;
- Quyết định số 471/QĐ-ĐHHD ngày 28/8/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương về việc ban hành quy chế về đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hải Dương.

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực nghề nghiệp vững vàng để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ giảng dạy Chương trình môn Giáo dục công dân, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật cũng như các nhiệm vụ khác của người giáo viên đáp ứng tiêu chuẩn của Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông; có khả năng giảng dạy các môn Lý luận chính trị ở các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, các Trung tâm Bồi dưỡng chính trị, các trường chính trị của tỉnh.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Giáo dục chính trị:

Mã mục tiêu	Mô tả
CO1	Có kiến thức vững vàng về nội dung Chương trình môn Giáo dục công dân, môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật ở bậc phổ thông và các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cơ bản để có thể thực hiện hiệu quả hoạt động giảng dạy cũng như các hoạt động giáo dục khác. Ngoài ra, người học có kiến thức vững vàng về nội dung Chương

	trình các môn Lí luận chính trị để giảng dạy ở các bậc cao hơn bậc phổ thông.
CO2	Sử dụng được kiến thức về khoa học cơ bản và khoa học chuyên ngành để vận dụng linh hoạt, hiệu quả vào công việc và thực tiễn cuộc sống.
CO3	Trang bị cho sinh viên các kĩ năng về khoa học chuyên ngành, liên ngành để giải thích các vấn đề chính trị - xã hội diễn ra trong thực tiễn và vận dụng vào giảng dạy; vận dụng được các kiến thức kinh tế và pháp luật vào trong hoạt động giáo dục. Có khả năng thu hút cộng đồng tham gia vào quá trình dạy học và giáo dục học sinh.
CO4	Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học văn phòng; đạt năng lực tiếng Anh chuẩn đầu ra theo qui định.
CO5	Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thể hiện được thế giới quan và phương pháp luận khoa học trước các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội nảy sinh trong môi trường nghề nghiệp và thực tiễn cuộc sống.
CO6	Có ý thức trách nhiệm công dân, tôn trọng, giữ gìn các giá trị đạo đức nhà giáo, có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong cuộc sống.

2. Chuẩn đầu ra của chung trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra

2.1.1. Về kiến thức

PLO1: Hiểu biết về khoa học cơ bản để vận dụng linh hoạt, hiệu quả vào công việc và thực tiễn cuộc sống.

PLO2: Hiểu biết về kiến thức cơ sở ngành để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực nghề nghiệp và cuộc sống.

PLO3: Hiểu biết về kiến thức chuyên ngành để vận dụng vào công việc giảng dạy, giáo dục và cuộc sống.

2.1.2. Về kĩ năng

PLO4: Vận dụng được các kiến thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng vào việc giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh trong thực tiễn.

PLO5: Sử dụng hiệu quả các phương tiện trong giao tiếp và hợp tác để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và trong các hoạt động nghề nghiệp.

PLO6: Vận dụng hiệu quả tri thức cơ bản về tâm lý học, giáo dục học để thực hiện nhiệm vụ của người giáo viên ở trường trung học cũng như tự đánh giá được sự phát triển nghề nghiệp để đề ra và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

PLO7: Sử dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành, liên ngành để giải thích các vấn đề chính trị - xã hội diễn ra trong thực tiễn và vận dụng vào giảng dạy; vận dụng được các kiến thức kinh tế và pháp luật vào trong hoạt động giáo dục.

PLO8: Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin và thiết bị công nghệ trong hoạt động chuyên môn.

PLO9: Đạt trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương Bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

PLO10: Thực hiện được công trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục chính trị và ứng dụng được kết quả nghiên cứu vào hoạt động chuyên môn; thực hiện được việc phát triển chương trình môn học phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

PLO11: Xây dựng được kế hoạch dạy học Chương trình môn Giáo dục công dân, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật; thiết kế, tổ chức được Kế hoạch bài dạy ở trường phổ thông.

PLO12: Thực hiện được việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực.

PLO13: Tổ chức được các hoạt động giáo dục phù hợp với đặc điểm môn học và đối tượng người học nhằm đảm bảo mục tiêu giáo dục; phối hợp được với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường để tổ chức các hoạt động giáo dục cho người học.

2.1.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO14: Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thể hiện được thế giới quan và phương pháp luận khoa học trước các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội nảy sinh trong môi trường nghề nghiệp và thực tiễn cuộc sống.

PLO15: Có ý thức trách nhiệm công dân, tôn trọng, giữ gìn các giá trị đạo đức nhà giáo; Thực hiện đúng nội quy, quy tắc văn hóa ứng xử, đạo đức nhà giáo, quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên; Tuân thủ các quy định của pháp luật, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.

PLO16: Có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong cuộc sống; có tư duy phản biện xã hội, tuyên truyền, lan tỏa những thông điệp tích cực đến học sinh, đồng nghiệp, phụ huynh; phối hợp được với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường để tổ chức các hoạt động giáo dục cho người học.

2.2. Vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp

Chức danh nghề nghiệp Môi trường làm việc	Giáo viên, nghiên cứu viên	Viên chức, cán bộ	Chuyên viên, nhà báo, biên tập viên	Phóng viên, biên tập viên	Giảng viên	Cán bộ hướng dẫn viên
Các cơ sở giáo dục phổ thông	2	0	0	0	0	0
Các cơ quan truyền thông, các tạp chí, nhà xuất bản	0	2	0	0	0	0
Cơ quan quản lý giáo dục, viện nghiên cứu có liên quan đến lĩnh vực giáo dục	0	2	2	0	0	0
Trường Đại học, Cao đẳng, trung cấp, trung tâm bồi dưỡng chính trị, trường chính trị của tỉnh	0	0	0	0	2	0

Chú giải:

0	Không có vị trí việc làm tại môi trường làm việc tương ứng
1	Người học có thể làm được; người học sẽ làm được tốt hơn nếu tích lũy kinh nghiệm và học thêm (học bổ sung, học nâng cao trình độ)
2	Người học sẽ làm được ngay sau khi tốt nghiệp

2.3. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo bậc đại học ngành Giáo dục chính trị có thể tiếp tục học tập và nâng cao trình độ ở bậc sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) thuộc chuyên ngành Giáo dục chính trị và các chuyên ngành thuộc khoa học chính trị...v.v... ở các cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong nước và nước ngoài.

*** MA TRẬN TÍCH HỢP MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Tích “X” vào các ô tương thích)

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo										
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11
PLO1 (KT)	X	X									

PLO2 (KT)	X	X									
PLO3 (KT)	X	X									
PLO4 (KT)	X	X									
PLO5 (KT)	X	X									
PLO6 (KT)	X	X									
PLO7 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO8 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO9 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO10 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO11 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO12 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO13 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO14 (MĐTC&TN))									X	X	X
PL015 (MĐTC&TN)									X	X	X
PL016 (MĐTC&TN)									X	X	X
Tổng	6	6	7	7	7	7	7	7	3	3	3

3. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị trình độ đại học là người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương, đáp ứng được:

- Ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố hàng năm cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

- Ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên cho đào tạo hình thức khác chính quy hoặc phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông, cụ thể là học lực lớp 12 xếp loại từ giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp trung học phổ thông từ 8,0 trở lên.

- Ngưỡng đầu vào do cơ sở đào tạo quy định đối với người đã trúng tuyển hoặc đã tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07 tháng 5 năm 2020 nếu dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục năm 2019.

4. Khối lượng học tập

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị trình độ đại học có khối lượng học tập là 127 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành.

5. Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo

5.1. Cấu trúc Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị trình độ Đại học gồm 127 tín chỉ. Trong đó khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 28 tín chỉ, có tỉ lệ 22%; khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 99 tín chỉ, có tỉ lệ 88%. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được cấu thành bởi nhóm kiến thức cơ sở ngành (28 tín chỉ: 26 tín chỉ bắt buộc, 02 tín chỉ tự chọn; chiếm 22% toàn khối); nhóm kiến thức chuyên ngành (52 tín chỉ: 46 tín chỉ bắt buộc (trong đó 10 tín chỉ chuyên ngành), 06 tín chỉ tự chọn; chiếm 41% toàn khối); nhóm nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm (12 tín chỉ; chiếm 9,4% toàn khối); nhóm khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế (07 tín chỉ; chiếm 5,5% toàn khối).

Cụ thể như sau:

Khối kiến thức	Loại học phần	Số tín chỉ
1. Kiến thức giáo dục đại cương (Không tính các học phần GDTC và GDQP - AN)		28 tín chỉ
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		99 tín chỉ
2.1. Kiến thức cơ sở ngành		28 tín chỉ
	+ Bắt buộc	26 tín chỉ
	+ Tự chọn	2 tín chỉ
2.2. Kiến thức chuyên ngành		52 tín chỉ
	+ Bắt buộc	46 tín chỉ
	+ Tự chọn	6 tín chỉ
2.3. Nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm		12 tín chỉ
2.4. Khóa luận tốt nghiệp/ học phần thay thế		7 tín chỉ
TỔNG SỐ		127 tín chỉ

5.2. Nội dung Chương trình đào tạo

5.2.1. Khung Chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Ghi chú
				Lí thuyết	Bài tập, Thảo luận,	Tự học	

					Thực hành		
1. Kiến thức giáo dục đại cương (Không tính các môn GDTC và GDQP và AN)			28				
Lí luận chính trị			15				
1	POE001	Triết học Mác-Lênin	4	45	15	140	
2	POE002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3	30	15	105	
3	POE003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	9	70	
4	POE004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	30	15	105	
5	POE005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	30	15	105	
Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh							
6	PE006	Giáo dục thể chất 1	2	6	24	70	
7	PE007	Giáo dục thể chất 2	2	6	24	70	
8	ME008- ME011	Giáo dục quốc phòng và An ninh	11	77	88		
8.1	ME008	GDQP-AN1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam		37	8		
8.2	ME009	GDQP-AN2: Công tác quốc phòng và an ninh		22	8		
8.3	ME010	GDQP-AN 3: Quân sự chung		14	16		
8.4	ME011	GDQP-AN4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật		4	56		
Ngoại ngữ			7				
9	EN012	Tiếng Anh 1	3	30	15	105	
10	EN013	Tiếng Anh 2	4	40	20	140	
Khoa học Tự nhiên			2				
11	IT014	Tin học đại cương	2	15	15	70	
Khoa học Xã hội - Nhân văn			4				
12	PSY015	Pháp luật đại cương	2	21	9	70	

13	MAN016	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành giáo dục đào tạo	2	21	9	70	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			99				
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			28				
<i>Các học phần bắt buộc</i>			26				
14	PSE117	Tâm lí học	3	35	10	105	
15	PSE118	Giáo dục học	3	35	10	105	
16	CUL119	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	24	6	70	
17	HIS120	Lịch sử văn minh thế giới	2	24	6	70	
18	POE121	Những vấn đề của thời đại ngày nay	2	21	9	70	
19	POE122	Xã hội học	2	21	9	70	
20	POE123	Mĩ học và giáo dục thẩm mỹ	2	24	6	70	
21	POE124	Giáo dục giá trị sống	2	21	9	70	
22	POE125	Dân số và phát triển	2	21	9	70	
23	POE126	Giáo dục gia đình	2	21	9	70	
24	ENV 127	Giáo dục môi trường	2	24	6	70	
25	PSE128	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành	2	15	15	70	
<i>Các học phần tự chọn (Chọn 1 trong các học phần)</i>			2				
26.1	IT329.1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	2	15	15	70	
26.2	PSE329.2	Tâm lí học giới tính	2	24	6	70	
2.2. Kiến thức chung của chuyên ngành			52				
<i>Các học phần bắt buộc</i>			46				
27	POE230	Lịch sử triết học	2	21	9	70	
28	POE231	Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam	2	21	9	70	
29	POE232	Logic học	2	21	9	70	
30	POE233	Tôn giáo học	2	21	9	70	
31	POE234	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	21	9	70	
32	POE235	Lịch sử tư tưởng xã hội	2	21	9	70	

		chủ nghĩa					
33	POE236	Hiến pháp và các chế định chính trị	2	21	9	70	
34	POE237	Chính trị học	2	21	9	70	
35	POE238	Lịch sử phong trào công nhân quốc tế	2	21	9	70	
36	POE239	Rèn tư duy phản biện	2	21	9	70	
37	POE240	Chính trị Việt Nam thời kì quá độ lên Chủ nghĩa xã hội	2	21	9	70	
38	POE241	Rèn nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	2	5	25	70	
39	POE242	Lí luận và phương pháp dạy học Giáo dục chính trị ở trường chuyên nghiệp	2	15	15	70	
40	POE243	Phương pháp dạy học Giáo dục công dân, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật ở trường phổ thông	2	15	15	70	
41	POE244	Kĩ năng phát triển chương trình Giáo dục công dân, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật ở trường phổ thông	2	15	15	70	
42	POE245	Hoạt động trải nghiệm trong chương trình môn Giáo dục công dân, môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật.	2	15	15	70	
43	POE246	Đạo đức nghề nghiệp	2	15	15	70	
44	POE247	Thực tế chuyên môn	2	10	20	70	
Các học phần tự chọn			6				
Tự chọn 1 (Chọn 1 trong 2 học phần)			2				
45.1	PSY348.1	Chuyên đề pháp luật	2	21	9	70	
45.2	POE348.2	Kinh tế học đại cương	2	21	9	70	

Tự chọn 2 (Chọn 1 trong các học phần)			2				
46.1	POE349.1	Xây dựng Đảng	2	21	9	70	
46.2	POE349.2	Công tác Đảng và đoàn thể trong trường học	2	21	9	70	
Tự chọn 3 (Chọn 1 trong các học phần)			2				
47.1	PSE350.1	Giao tiếp sư phạm	2	15	15	70	
47.2	PSE350.2	Giáo dục Kỹ năng sống ở trường phổ thông	2	15	15	70	
2.3. Khối học văn chuyên ban (Chọn một trong các chuyên ban)			10				
Chuyên ban Triết học			10				
48A.1	POE249A.1	Lịch sử triết học trước Mác	2	21	9	70	
48A.2	POE249A.2	Lịch sử triết học phương Tây hiện đại	2	21	9	70	
48A.3	POE249A.3	Tác phẩm kinh điển Triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin	3	30	15	105	
48A.4	POE249A.4	Chuyên đề triết học	3	30	15	105	
Chuyên ban Kinh tế chính trị			10				
48B.1	POE249B.1	Tác phẩm kinh điển kinh tế chính trị của chủ nghĩa Mác, - Lênin	3	30	15	105	
48B.2	POE249B.2	Chuyên đề Kinh tế chính trị	3	30	15	105	
48B.3	POE249B.3	Kinh tế học phát triển	2	21	9	70	
48B.4	POE249B.4	Nguyên lý kinh tế	2	21	9	70	
Chuyên ban Chủ nghĩa xã hội khoa học			10				
48C.1	POE249C.1	Tác phẩm kinh điển chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin	3	30	15	105	
48C.2	POE249C.2	Chuyên đề chủ nghĩa xã hội khoa học	3	30	15	105	
48C.3	POE249C.3	Lý luận về dân chủ và nhân quyền	2	21	9	70	

48C.4	POE249C.4	Chính trị quốc tế trong giai đoạn hiện nay	2	21	9	70	
Chuyên ban Lịch sử Đảng – Tư tưởng Hồ Chí Minh			10				
48D.1	POE249D.1	Tác phẩm kinh điển về xây dựng Đảng của chủ nghĩa Mác - Lênin	3	30	15	105	
48D.2	POE249D.2	Chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	30	15	105	
48D.3	POE249D.3	Chuyên đề Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	9	70	
48D.4	POE249D.4	Tác phẩm kinh điển của Hồ Chí Minh	2	21	9	70	
2.4. Nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm			12				
49	TMT250	Nghiệp vụ sư phạm 1	2	15	30	55	
50	TMT251	Nghiệp vụ sư phạm 2	2	15	30	55	
51	TMT252	Thực tập sư phạm 1	2		120		
52	TMT253	Thực tập sư phạm 2	6		360		
2.5. Khóa luận tốt nghiệp, các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp							
Khóa luận tốt nghiệp			7				
53A		Khóa luận tốt nghiệp	7				
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (Chọn đủ 7 tín chỉ)							
53B.1	POE454B.1	Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào thực tiễn cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	3	30	15	105	
53B.2	POE454B.2	Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kì mới	3	30	15	105	
53B.3	POE454B.3	Lí luận và thực hành dạy học Giáo dục chính trị	2	21	9	70	
Tổng cộng			127				

5.2.2. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT															
	Kiến thức				Kĩ năng									Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15	PLO 16
Triết học Mác -Lênin	3	0	0	0	0	1	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0
Kinh tế chính trị Mác -Lênin	3	0	0	2	1	0	0	0	0	0	1	2	1	1	0	0
Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	0	0	0	0	1	2	0	1	2	0	0	0	0	0	0
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	2	2	0
Giáo dục thể chất 1	3	3	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	2	0
Giáo dục thể chất 2	3	3	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	2	0
Tiếng Anh 1	1	1	0	0	0	0	2	0	3	0	0	0	0	0	1	0
Tiếng Anh 2	1	1	0	0	0	0	2	0	3	0	0	0	0	0	1	0
Tin học đại cương	0	0	0	0	0	0	0	6	0	0	0	0	0	6	0	0
Pháp luật đại cương	3	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Quản lí HCNN và quản lí ngành GDĐT	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	2	0
Tâm lí học	0	2	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	3	0
Giáo dục học	0	0	3	2	3	2	3	1	1	3	2	1	1	2	2	1
Cơ sở văn hóa Việt Nam	0	0	3	2	3	2	3	1	1	3	2	1	1	2	2	1
Lịch sử văn minh thế giới	0	1	3	1	0	0	2	0	0	0	0	0	1	1	1	1
Những vấn đề của thời đại ngày nay	0	1	3	0	0	0	2	1	0	1	0	0	0	1	1	1
Xã hội học	0	1	3	0	0	0	2	1	0	1	0	0	0	1	1	1
Mĩ học và giáo dục thẩm mỹ	0	0	2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	1	1
Giáo dục giá trị sống	0	1	2	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	1	1	1
Dân số và phát triển	0	1	2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	1	1
Giáo dục gia đình	0	3	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	2	2	0
Giáo dục môi trường	0	2	2	3	1	2	1	2	2	3	1	2	1	2	2	1
Phương pháp nghiên	0	0	3	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	0	1

cửu khoa học chuyên ngành																
Ứng dụng CNTT trong dạy học	3	0	0	0	3	0	3	0	2	2	0	0	0	0	0	0
Tâm lí học giới tính	2	2	2	0	2	0	0	2	0	0	2	2	2	2	0	0
Lịch sử triết học	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	3	2	2	1	0	0
Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam	0	0	3	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	1
Logic học	0	0	2	0	2	0	2	0	0	0	0	0	0	1	1	1
Tôn giáo học	0	0	3	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	2	0	2
Lịch sử các học thuyết kinh tế	0	0	2	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Lịch sử tư tưởng XHCN	0	0	3	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	2	0	2
Hiến pháp và các chế định chế chính trị	0	0	3	0	1	0	1	0	0	0	0	1	0	1	1	1
Chính trị học	0	0	3	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	1
LS phong trào CNQT	1	3	0	1	1	0	1	0	0	0	0	1	0	2	2	2
Rèn tư duy phân biện	0	0	3	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	1	1
Chính trị Việt Nam trong TKQĐ lên CNXH	0	1	3	0	0	0	2	1	0	1	0	0	0	1	1	1
Rèn NVSP thường xuyên	1	1	2	0	2	1	2	1	2	1	2	2	3	2	0	2
LL và PPDH Giáo dục chính trị ở trường CN	0	0	2	0	1	0	0	0	0	0	1	1	2	1	1	1
PP dạy học GD CD, GD Kinh tế và Pháp luật ở trường PT	0	0	2	0	1	0	1	0	0	0	1	1	2	1	1	1
KN phát triển CT môn GD CD, GD Kinh tế và Pháp luật ở trường PT	0	0	3	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	2	0
Hoạt động trải nghiệm trong chương trình môn GD CD và môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật.	0	0	3	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	1	1
Đạo đức	0	0	3	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	1	1

nghề nghiệp																
Thực tế chuyên môn	0	0	3	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	1	1
Chuyên đề pháp luật	0	0	3	0	0	0	1	0	0	0	0	2	0	0	2	1
Kinh tế học đại cương	0	0	3	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	1
Xây dựng Đảng	1	3	0	1	1	0	1	0	0	0	0	1	0	2	2	2
Công tác Đảng và ĐT trong trường học	0	0	3	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	2	1
Giao tiếp sư phạm	0	3	0	0	0	0	3	2	0	0	0	0	0	3	2	0
Giáo dục KNS ở trường PT	3	3	3	0	2	0	0	2	0	0	2	2	2	2	3	0
Triết học trước Mác	3	3	3	0	2	0	0	2	0	0	2	2	2	2	3	0
Triết học phương Tây hiện đại	0	0	3	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	1
Tác phẩm kinh điển triết học của C. Mác, Ph.Ăngghen và Lênin	0	3	0	2	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2	0	1
Chuyên đề triết học	0	0	3	2	0	0	2	0	0	0	0	1	0	2	0	1
Tác phẩm kinh điển kinh tế chính trị của C. Mác, Ph.Ăngghen và Lênin	0	3	0	2	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	1	1
Chuyên đề Kinh tế chính trị	0	0	3	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	2	1	1
Kinh tế học phát triển	0	0	3	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	1	1
Nguyên lí kinh tế	0	0	3	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	1	1
Tác phẩm kinh điển chủ nghĩa xã hội khoa học của C. Mác và Lênin	0	3	0	2	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	1	1
Chuyên đề CNXHKKH	0	0	3	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	1	1
Lý luận về dân chủ và nhân quyền	0	0	3	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	1	1
Chính trị quốc tế trong giai đoạn hiện nay	0	0	3	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	1	1
Tác phẩm kinh điển về xây dựng Đảng của C.Mác và	0	3	0	2	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	1	1

V.I. Lênin																
Chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	0	0	3	2	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	2	1
Chuyên đề Tư tưởng Hồ Chí Minh	0	0	3	1	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	1	1
Tác phẩm kinh điển của Hồ Chí Minh	0	3	0	2	0	0	0	0	0	0	0	1	0	2	0	1
Nghiệp vụ sư phạm 1	2	3	3	1	1	2	2	0	0	0	2	1	2	1	2	1
Nghiệp vụ sư phạm 2	2	3	3	1	1	2	2	0	0	1	2	1	1	2	2	2
Thực tập sư phạm 1	3	2	3	2	2	0	2	0	0	2	0	0	0	2	2	2
Thực tập sư phạm 2	0	3	0	1	1	0	1	0	0	0	0	1	0	2	2	2
Khóa luận tốt nghiệp	0	0	3	2	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	2	1
Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lênin và thực tiễn cách mạng CNXH ở Việt Nam	2	3	3	1	1	1	1	0	0	0	2	1	1	2	2	2
Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kì đổi mới	2	3	3	1	1	1	1	0	0	0	2	1	1	2	2	2
Lí luận và thực hành dạy học Giáo dục chính trị	2	3	3	1	1	1	1	0	0	0	2	1	1	2	2	2

Ghi chú: Dùng thang đánh giá mức độ đóng góp: 0 - Không đóng góp; 1 - Đóng góp thấp; 2 - Đóng góp trung bình; 3 - Đóng góp cao.

(Các học phần trong chương trình đều tham gia đóng góp vào bảng ma trận CDR)

5.2.3. Kế hoạch đào tạo

Chương trình đào tạo Giáo dục chính trị trình độ đại học thực hiện trong 04 năm với 08 học kì, trong đó học kì 1 với 18 tín chỉ, học kì 2 là 16 tín chỉ, học kì 3 với 16 tín chỉ, học kì 4 là 17 tín chỉ, học kì 5 với 17 tín chỉ, học kì 6 là 16 tín chỉ, học kì 7 với 14 tín chỉ, học kì 8 là 13 tín chỉ. Cụ thể như sau:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Kì I			18	
Bắt buộc			18	

1	POE001	Triết học Mác-Lênin	4	
2	PE006	Giáo dục thể chất 1	2	
3	EN012	Tiếng Anh 1	3	
4	IT014	Tin học đại cương	2	
5	PSE117	Tâm lí học	3	
6	MAN016	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành giáo dục đào tạo	2	
7	CUL119	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	
8	HIS120	Lịch sử văn minh thế giới	2	
Kì II			16	
Bắt buộc			14	
1	POE002	Kinh tế chính trị Mác -Lênin	3	
2	PE007	Giáo dục thể chất 2	2	
3	EN013	Tiếng Anh 2	4	
4	PSY015	Pháp luật đại cương	2	
5	PSE118	Giáo dục học	3	
6	POE121	Những vấn đề của thời đại ngày nay	2	
Tự chọn			2	
6.1	IT329.1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	2	
6.2	PSE329.2	Tâm lí học giới tính	2	
Kì III			16	
Bắt buộc			16	
1	POE003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
2	POE122	Xã hội học	2	
3	POE123	Mĩ học và giáo dục thẩm mỹ	2	
4	POE124	Giáo dục giá trị sống	2	
5	POE125	Dân số và phát triển	2	
6	POE126	Giáo dục gia đình	2	
7	ENV 127	Giáo dục môi trường	2	
8	PSE128	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành	2	
Kì IV			17	
Bắt buộc			15	
1	POE004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	

2	POE230	Lịch sử triết học	2	
3	POE231	Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam	2	
4	POE232	Logic học	2	
5	POE233	Tôn giáo học	2	
6	POE234	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	
7	POE235	Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa	2	
Tự chọn 1			2	
7.1	PSY348.1	Chuyên đề pháp luật	2	
7.2	POE348.2	Kinh tế học đại cương	2	
Kì V			17	
Bắt buộc			17	
1	POE005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	
2	POE236	Hiến pháp và các chế định chính trị	2	
3	POE237	Chính trị học	2	
4	POE238	Lịch sử phong trào công nhân quốc tế	2	
5	POE239	Rèn tư duy phản biện	2	
6	POE240	Chính trị Việt Nam thời kì quá độ lên Chủ nghĩa xã hội	2	
7	POE241	Rèn nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	2	
8	TMT250	Nghiệp vụ sư phạm 1	2	
Kì VI			16	
Bắt buộc			12	
1	POE242	Lí luận và phương pháp dạy học Giáo dục chính trị ở trường chuyên nghiệp	2	
2	POE243	Phương pháp dạy học Giáo dục công dân, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật ở trường phổ thông	2	
3	POE244	Kĩ năng phát triển chương trình Giáo dục công dân, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật ở trường phổ thông	2	
4	POE245	Hoạt động trải nghiệm trong chương trình môn Giáo dục công dân, môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật.	2	
5	POE246	Đạo đức nghề nghiệp	2	
6	TMT252	Thực tập sư phạm 1	2	

Tự chọn 2			2	
7.1	POE349.1	Xây dựng Đảng	2	
7.2	POE349.2	Công tác Đảng và đoàn thể trong trường học	2	
Tự chọn 3			2	
8.1	PSE350.1	Giao tiếp sư phạm	2	
8.2	PSE350.2	Giáo dục Kỹ năng sống ở trường phổ thông	2	
Kì VII (Lựa chọn 1 trong số các chuyên ban)			14	
Bắt buộc			14	
1	POE247	Thực tế chuyên môn	2	
2	TMT251	Nghiệp vụ sư phạm 2	2	
Bắt buộc phân ban Triết học			10	
1	POE249A.1	Lịch sử triết học trước Mác	2	
2	POE249A.2	Lịch sử triết học phương Tây hiện đại	2	
3	POE249A.3	Tác phẩm kinh điển Triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin	3	
4	POE249A.4	Chuyên đề triết học	3	
Bắt buộc phân ban Kinh tế chính trị			10	
1	POE249B.1	Tác phẩm kinh điển kinh tế chính trị của chủ nghĩa Mác - Lênin	3	
2	POE249B.2	Chuyên đề Kinh tế chính trị	3	
3	POE249B.3	Kinh tế học phát triển	2	
4	POE249B.4	Nguyên lý kinh tế	2	
Bắt buộc phân ban Chủ nghĩa xã hội khoa học			10	
1	POE249C.1	Tác phẩm kinh điển chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin	3	
2	POE249C.2	Chuyên đề chủ nghĩa xã hội khoa học	3	
3	POE249C.3	Lý luận về dân chủ và nhân quyền	2	
4	POE249C.4	Chính trị quốc tế trong giai đoạn hiện nay	2	
Bắt buộc phân ban Lịch sử Đảng – Tư tưởng Hồ Chí Minh			10	
1	POE249D.1	Tác phẩm kinh điển về xây dựng Đảng của chủ nghĩa Mác - Lênin	3	
2	POE249D.2	Chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản	3	

		Việt Nam		
3	POE249D.3	Chuyên đề Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4	POE249D.4	Tác phẩm kinh điển của Hồ Chí Minh	2	
Kì VIII			13	
Bắt buộc			13	
1	TMT253	Thực tập sư phạm 2	6	
2.1		Khóa luận tốt nghiệp	7	
2.2		Thay thế khóa luận tốt nghiệp	7	
2.2.1	POE454B.1	Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào thực tiễn cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	3	
2.2.2	POE454B.2	Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kì mới	2	
2.2.3	POE454B.3	Lí luận và thực hành dạy học giáo dục chính trị	2	

5.2.4. Mô tả học phần

1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN (4 tín chỉ)

Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của các ngành học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó sinh viên có được kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy trên lập trường duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật, xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng vào việc nhận thức, cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.

2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN (3 tín chỉ)

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản về học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền của chủ nghĩa Mác - Lênin và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Học phần bao gồm các nội dung: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; hàng hoá, thị trường và vai trò của chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong

nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Học phần giúp sinh viên phát triển tư duy logic, phương pháp suy luận đồng thời trang bị kiến thức cơ sở quan trọng giúp sinh viên học tốt các học phần chuyên ngành sau này.

3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC (2 tín chỉ)

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc và tôn giáo, gia đình trong thời kì quá độ. Học phần bao gồm các nội dung: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (3 tín chỉ)

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam làm rõ đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ xâm lược (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

5. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (3 tín chỉ)

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư

tưởng Hồ Chí Minh; Từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu học phần.

6. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1 (2 tín chỉ)

Giáo dục thể chất 1 là học phần bắt buộc dành cho sinh viên không chuyên thuộc chương trình giáo dục thể chất của tất cả chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lí thuyết môn Thể dục, bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung tay không.

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản môn thể dục, phương pháp tập luyện. Mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực tự học, vận dụng trong tập luyện, rèn luyện sức khoẻ hàng ngày. Học phần còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn khác.

7. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2 (2 tín chỉ)

(Tự chọn 01 trong 07 học phần: Đá cầu, Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, Võ thuật Vovinam, Aerobic, Cầu lông)

Đá cầu

Học phần Đá cầu cung cấp các kiến thức cơ bản về môn Đá cầu. Đây là kiến thức nền tảng để giúp sinh viên tiếp thu các học phần giáp ranh và chuyên ngành thể dục thể thao; có sân chơi hoạt động đầy ý nghĩa, tạo sự kết tinh thần tập thể cao; có lối sống lành mạnh rời xa các tệ nạn xã hội.

Bóng chuyền

Học phần Bóng chuyền trang bị kiến thức về kĩ thuật, chiến thuật, kĩ năng tập luyện và luật thi đấu bóng chuyền. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học giáo dục thể chất cho đối tượng học sinh.

Bóng đá

Học phần Bóng đá cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn Bóng đá, những nguyên lí thực hiện kĩ thuật, luật Bóng đá. Học phần cũng trang bị các kĩ thuật động tác cơ bản, tổ chức hướng dẫn luyện tập môn Bóng đá.

Bóng rổ

Bóng rổ là môn thể thao tự chọn trong chương trình đào tạo giáo dục thể chất không chuyên có nội dung rất đa dạng và phong phú. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lịch sử phát triển môn Bóng rổ và kĩ thuật cơ bản về di chuyển, chuyền và bắt bóng, dẫn bóng, tại chỗ ném rổ và hai bước lên rổ, một số điều luật phương pháp tổ chức thi đấu môn Bóng rổ.

Võ thuật Vovinam

Võ thuật Vovinam là một môn thể thao cơ bản có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển và đặc điểm của môn võ Vovinam; trang bị kiến thức về kỹ thuật, chiến thuật, luật thi đấu thực hành môn Võ thuật Vovinam. Ngoài ra còn có thể lấy học phần làm các bài tập bổ trợ cho các môn thể thao khác.

Aerobic

Học phần Aerobic là học phần tự chọn thuộc chương trình Giáo dục thể chất cho sinh viên đại học thuộc tất cả các chuyên ngành đào tạo. Nội dung học phần bao gồm: lý thuyết Aerobic, kỹ thuật cơ bản Aerobic, bài Aerobic. Học phần giúp sinh viên phát triển thể chất; giáo dục phẩm chất đạo đức, tinh thần tập thể; rèn luyện ý chí, tư thế, tác phong; tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập các học phần khác.

Cầu lông

Cầu lông là học phần trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, giảng dạy các kỹ thuật, chiến thuật cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn cầu lông. Ngoài ra, học phần còn thông qua quá trình tập luyện để rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tính tự giác tích cực; phát triển các tố chất vận động như sức nhanh, sức mạnh, sức bền và khả năng phối hợp động tác, tăng cường sức khỏe, tính linh hoạt bổ trợ cho công việc học tập và giúp sinh viên có thể tự tin tham gia các hoạt động khi nhà trường tổ chức giải thi đấu môn Cầu lông cho sinh viên.

8.1. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 1 (45 tiết)

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính chất lý luận của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh gồm: Những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, an ninh nhân dân; về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh và một số nội dung cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

8.2. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 2 (30 tiết)

Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản có tính nguyên tắc về nhiệm vụ, nội dung công tác quốc phòng, an ninh của Đảng ta hiện nay bao gồm: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao; đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam; một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề về dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ

chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

8.3. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 3 (30 tiết)

Học phần nghiên cứu các kiến thức, kỹ năng chiến thuật, kỹ thuật quân sự cần thiết như: kiến thức cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, một số phương tiện chỉ huy và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; hiểu biết về phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; hiểu biết và xử lý các vết thương chiến tranh; thực hành rèn luyện đội ngũ từng người và đơn vị; thực hành sử dụng vũ khí bộ binh và chiến thuật tiến công, phòng ngự từng người.

8.4. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 4 (60 tiết)

Học phần nghiên cứu về quân binh chủng, cụ thể là tổ chức lực lượng trong các quân binh chủng - công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội và công an; lịch sử truyền thống quân binh chủng - lịch sử truyền thống của quân đội và công an; đồng thời tham quan các học viện, đơn vị, bảo tàng.

9. TIẾNG ANH 1 (3 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thám hiểm để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn đơn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MYELT và lớp học ảo, sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

10. TIẾNG ANH 2 (4 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có to, các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Những kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một vài quốc gia trên thế giới. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống

giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn đơn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MYELT và lớp học ảo, sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

11. TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)

Học phần Tin học đại cương thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về: Cấu trúc chung của máy tính, xử lý lỗi cơ bản của máy tính, hệ điều hành; Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word; Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel; Thao tác với slide, định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide, tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint; Mạng máy tính và an toàn thông tin, một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

12. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)

Học phần Pháp luật đại cương là môn khoa học pháp lý cơ sở, cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật và đề cập tới một số ngành luật cơ bản của Việt Nam hiện nay nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về nhà nước, pháp luật nói chung và nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 6 chương. Chương 1,2 là các vấn đề cơ bản về nhà nước, pháp luật. Chương 3,4,5 là những nội dung cơ bản về pháp luật chuyên ngành như Luật Hành chính Việt Nam; Luật Dân sự Việt Nam; Luật Hình sự Việt Nam. Chương 6 là pháp luật về phòng chống tham nhũng.

13. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ NGÀNH GIÁO DỤC ĐÀO TẠO (2 tín chỉ)

Học phần Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước (tính chất, nội dung, phương pháp, luật,...); quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo (tính chất, đặc điểm, nguyên tắc, nội dung, bộ máy quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo; đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục và đào tạo). Trên cơ sở đó, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho sinh viên trong quá trình thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân, trong việc giáo dục học sinh ở trường phổ thông.

14. TÂM LÝ HỌC (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về tâm lý: Bản chất, quá trình nảy sinh, quy luật hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lý; mối quan hệ giữa các hiện tượng tâm lý, chức năng vai trò của tâm lý đối với hoạt động của con người; giúp sinh viên hiểu bản chất và quy luật của sự phát triển con người trong quá

trình phát triển cá thể, từ đó vận dụng vào công tác tham vấn, giáo dục học sinh ở phổ thông. Học phần còn trang bị cho người học những tri thức tâm lí về sự phát triển tâm lí, quy luật phát triển tâm lí ở con người và các đặc điểm tâm lí điển hình, đặc trưng ở các giai đoạn lứa tuổi nhằm mục đích mô tả một cách khái quát nhất chân dung tâm lí của con người ở từng giai đoạn lứa tuổi cũng như ứng dụng những tri thức đó để quá trình giáo dục, dạy học được tổ chức phù hợp với tâm lí lứa tuổi.

15. GIÁO DỤC HỌC (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những tri thức khoa học và các khái niệm cơ bản của giáo dục học; vai trò của giáo dục đối với sự phát triển con người và xã hội; chiến lược phát triển giáo dục và việc tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. Sinh viên hiểu được bản chất của quá trình dạy học. Học phần tạo điều kiện cho sinh viên vận dụng các nguyên tắc dạy học, phương pháp dạy học, phương tiện dạy học trong tổ chức quá trình dạy học. Học phần cung cấp cho người học hiểu biết bản chất của quá trình giáo dục nghĩa hẹp, động lực căn bản trong phát triển toàn diện nhân cách con người. Trên cơ sở các nguyên tắc, phương pháp giáo dục, sinh viên có khả năng giải quyết các tình huống sư phạm. Từ đó góp phần hình thành phẩm chất yêu trẻ yêu nghề, thế giới quan khoa học, năng lực sư phạm như tổng hợp, phân tích tài liệu, thuyết trình, năng lực sử dụng phương pháp, phương tiện dạy học...

16. CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên nắm bắt những đặc trưng cơ bản của văn hóa Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại (tiền trình văn hóa Việt Nam, không gian văn hóa Việt Nam); chỉ rõ loại hình văn hóa Việt Nam, các yếu tố cấu thành văn hóa Việt Nam và nội hàm của các yếu tố đó. Làm sáng tỏ văn hóa Việt Nam là tổng hòa các giá trị vật chất và tinh thần do các thế hệ người Việt Nam tạo nên trong quá trình tương tác với tự nhiên, xã hội và con người: Tác động đến tự nhiên như: ăn, ở, mặc...; Tác động đến xã hội như: phong tục tập quán, tôn giáo, triết học, đạo đức...; Tác động đến chính con người: các giá trị như Chân Thiện Mỹ. Cơ sở văn hóa Việt Nam là học phần đại cương về văn hóa Việt Nam, cung cấp một cái nhìn toàn diện về văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức đời sống của người Việt, qua đó giáo dục lòng nhân ái, ý thức và trách nhiệm của mỗi công dân đối với di sản văn hóa dân tộc và tương lai của văn hóa Việt Nam.

17. LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI (2 tín chỉ)

Lịch sử văn minh thế giới là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị.

Sau khi học xong học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của văn minh nhân loại thông qua việc trình bày một số

nền văn minh tiêu biểu như (1) văn minh Ai Cập; (2) văn minh Lưỡng Hà ; (3) văn minh Trung Hoa ; (4) văn minh Ấn Độ ; (5) văn minh A rập; (6) văn minh Đông Nam Á; (7) văn minh Hy Lạp - La Mã; (8) văn minh Tây Âu trung đại; (9) văn minh công nghiệp; (10) văn minh thế kỷ XX. Bên cạnh đó, góp phần giúp sinh viên rút ra được quy luật phát triển, suy vong của các đế chế, nền văn minh trong lịch sử. Trên cơ sở đó, sinh viên biết trân trọng những giá trị trường tồn của các di sản văn minh trong lịch sử nhân loại....

18. NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA THỜI ĐẠI NGÀY NAY (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của các tổ chức quốc tế; những vấn đề toàn cầu ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam như toàn cầu hóa, chiến tranh và hòa bình, di sản văn hóa,... giúp người học có khả năng phân tích đánh giá vấn đề chính trị - xã hội.

19. XÃ HỘI HỌC (2 tín chỉ)

Học phần nằm trong khối kiến thức của nhóm ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học. Trong đó trang bị cho các em những lý luận cơ bản của các nhà xã hội học, hiểu và vận dụng được các kỹ thuật trong điều tra xã hội học, từ đó vận dụng nghiên cứu một số chuyên ngành hẹp của xã hội học. Thông qua học phần, hình thành thế giới quan duy vật khi nghiên cứu xã hội, nhận biết được các quan điểm sai trái khi nghiên cứu xã hội. Học phần có quan hệ chặt chẽ với những học phần chuyên ngành như: Lịch sử triết học, Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành trong chương trình.

20. MỸ HỌC VÀ GIÁO DỤC THẨM MỸ (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học những tri thức cơ bản về mỹ học và giáo dục thẩm mỹ. Trên cơ sở đó, người học vận dụng kiến thức đã học cùng với sự trải nghiệm cá nhân vào hoạt động giáo dục và cuộc sống.

21. GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và phương pháp giáo dục giá trị sống cho học sinh trung học. Học phần có quan hệ chặt chẽ đến các học phần có kiến thức về văn hóa, đạo đức; về chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam; có quan hệ trực tiếp với lĩnh vực giáo dục đạo đức trong chương trình Giáo dục phổ thông hiện hành.

22. DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết căn bản, hệ thống kiến thức về các vấn đề dân số, phát triển, và mối quan hệ giữa dân số và phát triển; giúp người học có khả năng phân tích, đánh giá vận dụng các kiến thức về dân số và phát triển để giải thích một số vấn đề trong thực tiễn.

23. GIÁO DỤC GIA ĐÌNH (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về đối tượng, chức năng và phương pháp nghiên cứu của giáo dục gia đình, những vấn đề liên quan đến gia đình và chức năng giáo dục của gia đình Việt Nam. Đồng thời phân tích một số vấn đề đặt ra đối với gia đình và giáo dục gia đình ở nước ta hiện nay. Học phần có mối quan hệ trực tiếp với các học phần trong chương trình đào tạo đại học như: Xã hội học, Đạo đức học và giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông,...

24. GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về môi trường, giáo dục môi trường, trên cơ sở đó, hình thành cho sinh viên thái độ, hành vi tích cực đối với các hoạt động giáo dục môi trường nhằm nâng cao việc bảo vệ môi trường trong chương trình môn giáo dục công dân ở trường trung học. Đồng thời môn học cung cấp cho người học kiến thức, giải pháp ngăn ngừa và giải quyết một cách khoa học các vấn đề môi trường nảy sinh trong thực tiễn.

25. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC CHUYÊN NGÀNH (2 tín chỉ)

Học phần nằm trong khối kiến thức của nhóm ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức quan trọng nhất về các hình thức cơ bản của tư duy và những quy luật cơ bản của lô gic hình thức. Thông qua đó, giúp người học hình thành được tư duy lô gic nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động nhận thức và thực hành nghề nghiệp của người giáo viên; đồng thời, người học sẽ có năng lực phản biện trước các hiện tượng sai trái nảy sinh trong đời sống xã hội. Học phần này có mối quan hệ trực tiếp với các học phần: Triết học Mác – Lênin, Rèn luyện tư duy phản biện.

26.1. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các ứng dụng trong dạy học. Hiểu và thực hiện được một số phần mềm quản lý nhà trường và kết nối nhà trường với gia đình, xã hội; xây dựng, quản lý hồ sơ chuyên môn, hồ sơ dạy học dạng số hóa; Xây dựng học liệu số (tài liệu đọc, video bài giảng, bài giảng điện tử có tương tác, bài kiểm tra) dùng cho việc tự học có hướng dẫn; Thực hành được một số công cụ và tổ chức kiểm tra, đánh giá quá trình học tập của học sinh trên nền tảng THPT.

26.2. TÂM LÝ HỌC GIỚI TÍNH (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về sự khác biệt trong tâm lý của giới tính (chủ yếu là dị giới), bao gồm: Những vấn đề chung của tâm lý học giới tính; Những đặc điểm về giới giữa nam và nữ; Sự khác biệt về tâm lý giới

tính trong đời sống tâm lý con người, ở một số lĩnh vực như: Sự khác biệt giới tính trong hôn nhân – gia đình; sự khác biệt về tâm lý giới tính trong giáo dục – đào tạo; sự khác biệt về tâm lý giới tính trong một số lĩnh vực ngành nghề và sự khác biệt về tâm lý giới tính trong khía cạnh văn hóa.

27. LỊCH SỬ TRIẾT HỌC (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về lịch sử triết học phương Đông và phương Tây qua các trường phái và các nhà tư tưởng tiêu biểu, từ đó đánh giá được giá trị và hạn chế của những tư tưởng này trên lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Học phần góp phần hình thành hệ thống tri thức để sinh viên vận dụng vào quá trình giảng dạy và giải quyết các vấn đề chính trị xã hội.

28. LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC VIỆT NAM (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về tư tưởng Việt Nam với các nội dung như: thế giới quan, nhân sinh quan, tư tưởng chính trị - xã hội, đạo đức... của các nhà tư tưởng tiêu biểu qua mỗi thời kỳ của lịch sử dân tộc Việt Nam nhằm giải thích vấn đề chính trị xã hội đang diễn ra trong thực tiễn và vận dụng vào giảng dạy chương trình môn Giáo dục công dân ở trường trung học, từ đó hình thành cho người học tinh thần yêu nước, tự tôn dân tộc, có phẩm chất chính trị vững vàng.

29. LOGIC HỌC (2 tín chỉ)

Học phần nằm trong khối kiến thức của nhóm ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức quan trọng nhất về các hình thức cơ bản của tư duy và những quy luật cơ bản của lô gic hình thức. Thông qua đó, giúp người học hình thành được tư duy lô gic nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động nhận thức và thực hành nghề nghiệp của người giáo viên; đồng thời, người học sẽ có năng lực phản biện trước các hiện tượng sai trái nảy sinh trong đời sống xã hội. Học phần này có mối quan hệ trực tiếp với các học phần: Triết học Mác – Lênin, Rèn luyện tư duy phản biện, Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành.

30. TÔN GIÁO HỌC (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết căn bản, hệ thống về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của tôn giáo học; Nguồn gốc, bản chất và chức năng, tính chất, các hình thức tôn giáo trong lịch sử.; Đạo Phật; Đạo Kitô; Đạo I-Xlam; một số tín ngưỡng và tôn giáo dân tộc ở Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà Nước ta về tôn giáo.

31. LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT KINH TẾ (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết căn bản, hệ thống về các vấn đề lịch sử các học thuyết kinh tế và giúp người học có khả năng lập luận, phân tích,

đánh giá, vận dụng các học thuyết kinh tế vào việc dạy học môn giáo dục công dân và xem xét, đánh giá một chính sách kinh tế cụ thể nảy sinh trong thực tiễn cũng như có khả năng tham gia thực hiện đúng theo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

32. LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết căn bản, hệ thống về lịch sử hình thành và phát triển tư tưởng xã hội chủ nghĩa từ không tưởng trở thành khoa học. Quá trình đó là một dòng chảy lịch sử tự nhiên, tuân theo những quy luật khách quan.

33. HIẾN PHÁP VÀ CÁC CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Hiến pháp và các định chế chính trị ở nước ta. Từ đó, sinh viên hình thành lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, có thái độ đúng đắn đối với Hiến pháp và các định chế chính trị. Học phần có mối quan hệ trực tiếp với những nội dung giáo dục pháp luật trong chương trình giáo dục công dân dành cho học sinh trung học. Học phần có quan hệ chặt chẽ với những học phần: Pháp luật đại cương, Giáo dục pháp luật cho học sinh trung học, Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo,... trong chương trình.

34. CHÍNH TRỊ HỌC (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức có tính hệ thống về các hiện tượng, biểu hiện, bản chất, có tính quy luật của đời sống chính trị; đồng thời, đi sâu vào những vấn đề cơ bản của chính trị học, như khái luận về chính trị học, quyền lực chính trị trong xã hội hiện đại, đảng chính trị; chính trị với kinh tế, hệ thống chính trị Việt Nam; từ đó giúp các em hình thành tư duy chính trị, có khả năng phân tích các vấn đề chính trị đang diễn ra và biết vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề chính trị trong thực tiễn cuộc sống.

35. LỊCH SỬ PHONG TRÀO CÔNG NHÂN QUỐC TẾ (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về vị trí, đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn môn học; kiến thức cơ bản về quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của phong trào Công sản và công nhân Quốc tế kể từ khi phong trào công nhân ra đời đến nay.

36. RÈN TƯ DUY PHẢN BIỆN (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về tư duy phản biện. Từ đó, giúp sinh viên nhận thức được vai trò của tư duy phản biện trong học tập, giảng dạy và cuộc sống. Đồng thời, thông qua giới thiệu và hướng dẫn thực hành một số phương pháp rèn luyện tư duy phản biện để giúp sinh viên hình thành và phát triển được năng lực tư duy phản biện cũng như xây dựng được văn hóa phản biện trong quá trình học tập và hoạt động nghề nghiệp.

37. CHÍNH TRỊ VIỆT NAM THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (2 tín chỉ)

Học phần nghiên cứu sự ra đời và các giai đoạn phát triển của hệ thống chính trị Việt Nam; nghiên cứu các thành tố cơ bản: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; về đổi mới hệ thống chính trị Việt Nam; nghiên cứu vị trí, vai trò, chức năng, cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của các thành tố đó trong hệ thống chính trị Việt Nam; làm rõ mối quan hệ tương tác giữa các thành tố làm nên tính chỉnh thể của hệ thống chính trị (HTCT) Việt Nam.

38. RÈN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM THƯỜNG XUYÊN (2 tín chỉ)

Củng cố, hệ thống hóa kiến thức và kỹ năng đã được học tại học phần tâm lý học, giáo dục học, phương pháp dạy học bộ môn. Rèn luyện các kỹ năng cụ thể của dạy học, của giáo dục, kỹ năng tự học, tự rèn luyện, góp phần hình thành kỹ năng nghiệp vụ sư phạm của người giáo viên, rèn luyện kỹ năng giải quyết các tình huống sư phạm, tổ chức các hoạt động trong và ngoài giờ lên lớp ở trường phổ thông; tập soạn giảng một số bài, kiến thức cơ bản trong chương trình phổ thông. Củng cố lại những kiến thức căn bản về phương pháp soạn giáo án. Tiến hành giảng mẫu, giảng tập từng phần, xử lý tình huống sư phạm và rút kinh nghiệm đánh giá, hoàn thiện giáo án.

39. LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ Ở TRƯỜNG CHUYÊN NGHIỆP (2 tín chỉ)

Sinh viên vận dụng những kiến thức đã học về phương pháp dạy học vào rèn luyện nghiệp vụ. Nắm rõ vai trò, vị trí, nhiệm vụ, đối tượng, nội dung, phương pháp, hình thức cơ bản của dạy học Giáo dục chính trị ở trường chuyên nghiệp; Những nguyên tắc cơ bản trong dạy học bộ môn Giáo dục chính trị ở trường chuyên nghiệp; Phương pháp dạy học các nội dung cụ thể của môn Giáo dục chính trị ở các trường chuyên nghiệp; Củng cố và đánh giá kết quả lĩnh hội tri thức môn Giáo dục chính trị ở trường chuyên nghiệp.

40. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC GIÁO DỤC CÔNG DÂN, GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG (2 tín chỉ)

Học phần gồm những kiến thức cơ bản môn Giáo dục công dân, môn Giáo dục kinh tế và pháp luật; phương pháp dạy học; phương pháp kiểm tra, đánh giá; cách thiết kế kế hoạch dạy học nội dung môn Giáo dục công dân, giáo dục kinh tế và pháp luật. Qua đó, người học thiết kế được kế hoạch dạy học, đề kiểm tra, đánh giá, thực hành dạy học nội dung môn Giáo dục công dân, giáo dục kinh tế và pháp luật trong chương trình môn học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực.

41. KỸ NĂNG PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN, GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chương trình giáo dục và phát triển chương trình môn Giáo dục công dân, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật. Xuất phát từ những nội dung về chương trình giáo dục nói chung, học phần tập trung nghiên cứu chương trình môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật hiện hành để giúp sinh viên có kỹ năng phát triển chương trình môn học này ở trường trung học phổ thông.

42. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM TRONG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CÔNG DÂN VÀ GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về các hoạt động trải nghiệm ở trường trung học. Qua đó, nâng cao kỹ năng thiết kế, tổ chức các hoạt động trải nghiệm phù hợp với đối tượng học sinh trung học. Học phần có liên quan đến các môn trang bị kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên ngành Giáo dục chính trị.

43. ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đạo đức nghề nghiệp nói chung và đạo đức nghề nghiệp của người giáo viên nói riêng, từ đó nêu lên vấn đề giáo dục đạo đức cho sinh viên sư phạm trong giai đoạn hiện nay. Học phần có quan hệ chặt chẽ với những học phần đạo đức học và giáo dục đạo đức cho học sinh trung học, đồng thời có mối liên hệ mật thiết với học phần nghiệp vụ sư phạm thể hiện việc giải quyết các tình huống sư phạm trong nội dung học phần.

44. THỰC TẾ CHUYÊN MÔN (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức thực tế thông qua hoạt động trải nghiệm tại các địa phương. Qua đó, tạo môi trường để sinh viên áp dụng các kiến thức, kỹ năng đã được tích lũy vào giải quyết các vấn đề phát sinh về chính trị - xã hội trong thực tế, từ đó rút ra các kinh nghiệm, bài học để đáp ứng các yêu cầu về vị trí việc làm.

45.1. CHUYÊN ĐỀ PHÁP LUẬT (2 tín chỉ)

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức pháp luật cơ bản trong một số lĩnh vực cụ thể của đời sống xã hội. Thông qua đó, giúp người học hình thành các kỹ năng cần thiết để giải quyết một số tình huống pháp lý có liên quan trong thực tiễn và vận dụng vào việc giảng dạy Chương trình môn Giáo dục Công dân và Giáo dục kinh tế pháp luật ở phổ thông.

45.2. KINH TẾ HỌC ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức có tính hệ thống về các quyết định kinh tế của các thành viên kinh tế và hoạt động của tổng thể nền kinh tế quốc dân. Sinh viên biết vận dụng các kiến thức về kinh tế học để xử lý và giải quyết linh hoạt

các vấn đề kinh tế trong thực tế. Sinh viên phải tự giác, tích cực tìm hiểu các kiến thức, tra cứu tài liệu trên thư viện và Internet để tiếp cận với các khía cạnh kinh tế.

46.1. XÂY DỰNG ĐẢNG (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về nguyên tắc xây dựng Đảng. Nội dung cơ bản về xây dựng và tổ chức cơ sở đảng hiện nay. Một số vấn đề nghiệp vụ công tác Đảng ở cơ sở.

46.2. CÔNG TÁC ĐẢNG VÀ ĐOÀN THỂ TRONG TRƯỜNG HỌC (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về vấn đề lý luận cơ bản của công tác Đảng và đoàn thể trong trường học như vai trò, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các tổ chức đoàn thể; mối quan hệ và phương thức phối hợp giữa nhà trường, nhà giáo và các tổ chức đoàn thể trong trường học.

47.1. GIAO TIẾP SỰ PHẠM (2 tín chỉ)

Học phần tập trung vào các vấn đề: Khái niệm, các nguyên tắc và các giai đoạn giao tiếp sư phạm; đặc điểm giao tiếp của học sinh trung học, các hình thức giao tiếp sư phạm ở trường trung học; các kỹ năng giao tiếp cơ bản; thực hành tổng hợp về giao tiếp sư phạm. Học phần có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng trong chương trình giáo dục phổ thông môn: Giáo dục công dân, Hoạt động trải nghiệm; gián tiếp qua các môn học khác; Học phần có quan hệ chặt chẽ với những môn Tâm lý học, Giáo dục học, Phương pháp dạy học môn học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

47.2. GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ năng sống, qua đó nâng cao năng lực thiết kế, tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học trung học, đặc biệt trong chương trình môn Giáo dục công dân, chương trình môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật. Học phần có liên quan đến các môn trang bị kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên ngành Giáo dục chính trị.

48A.1. LỊCH SỬ TRIẾT HỌC TRƯỚC MÁC (2 tín chỉ)

Học phần Trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản về quá trình phát sinh, hình thành và phát triển các học thuyết triết học trước Mác, Triết học phương Đông, phương Tây cổ trung đại, cận đại, triết học cổ điển Đức.

48A.2. LỊCH SỬ TRIẾT HỌC PHƯƠNG TÂY HIỆN ĐẠI (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về vấn đề cơ bản về khoa học triết học, các trào lưu triết học phương Tây hiện đại; triết học về con người, triết học tôn giáo và một vài nét triết học phương tây ở miền nam Việt Nam giai đoạn 1960 – 1970.

48A.3. TÁC PHẨM KINH ĐIỂN TRIẾT HỌC CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN (3 tín chỉ)

Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những tác phẩm quan trọng của C. Mác, Ăngghen, Lênin như: Chống Duyrinh, Biện chứng của tự nhiên, Bút kí triết học, Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh viện phê phán. Từ đó, giúp sinh viên củng cố kiến thức cơ bản và chuyên sâu về triết học Mác - Lênin bao gồm: Tôn giáo, Chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức; Chủ nghĩa duy vật lịch sử gồm Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, các hình thức sở hữu trong xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.

48A.4. CHUYÊN ĐỀ TRIẾT HỌC (3 tín chỉ)

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành thuộc khối kiến thức chuyên ban cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu của một số nội dung cơ bản thuộc lĩnh vực triết học như: thế giới quan duy vật biện chứng, phương pháp luận biện chứng duy vật, lý luận nhận thức duy vật biện chứng và học thuyết hình thái kinh tế - xã hội. Thông qua đó, giúp người học có đủ khả năng lý giải các vấn đề chính trị - xã hội đang nảy sinh trong thực tế và vận dụng được những kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn. Học phần này có mối quan hệ trực tiếp với các học phần: Lịch sử triết học, Triết học Mác – Lênin, Lịch sử tư tưởng Việt Nam.

48B.1. TÁC PHẨM KINH ĐIỂN KINH TẾ CHÍNH TRỊ CỦA CHỦ NGHĨA C.MÁC, PH. ĂNGGHEN VÀ V.I. LÊNIN (3 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về kinh tế chính trị thông qua tác phẩm Bộ tư bản với 3 quyển. Cung cấp kiến thức về hàng hóa và tiền tệ, tiền tệ chuyển hóa thành tư bản, sự sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối, sản xuất giá trị thặng dư tương đối, giá trị thặng dư tương đối và giá trị thặng dư tuyệt đối, quá trình tích lũy tư bản; biến đổi hình thái tư bản và tuần hoàn của nó, chu chuyển lưu thông của tư bản, tái sản xuất và lưu thông của tổng tư bản xã hội; toàn bộ quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa. Bên cạnh đó phân tích về chủ nghĩa tư bản, về phương thức sản xuất và quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Đề cập đến nhiều vấn đề trong kinh tế chính trị như tư bản, hàng hoá, tiền tệ, giá trị thặng dư, tích lũy tư bản, tiền lương. Tác phẩm này không chỉ là công trình nghiên cứu kinh tế chính trị mà còn chứa đựng những quan điểm triết học của Marx và những kiến thức về lịch sử các nước Tây Âu.

48B.2.

CHUYÊN ĐỀ KINH TẾ CHÍNH TRỊ (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các vấn đề kinh tế chính trị như tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế, các quy luật kinh tế cơ bản, các thành phần kinh tế, công nghiệp hóa hiện đại hóa, kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế

quốc tế...; giúp cho sinh viên vận dụng vào giảng dạy các vấn đề kinh tế trong chương trình giáo dục phổ thông môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật. Học phần có quan hệ chặt chẽ với những môn học Kinh tế Chính trị Mác – Lênin; Kinh tế học đại cương...

48B.3. KINH TẾ PHÁT TRIỂN (2 tín chỉ)

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành thuộc khối kiến thức chuyên ban, cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến kinh tế vĩ mô nhằm phân tích và giải thích quá trình tăng trưởng, phát triển kinh tế giúp chúng ta hiểu được những vấn đề tăng trưởng và phát triển đang diễn ra ở các nước, đặc biệt là các nước đang phát triển. Đây là một mảng kiến thức kinh tế vĩ mô cần thiết cho các sinh viên học tập trong các chuyên ngành kinh tế và liên quan về kinh tế.

48B.4. NGUYÊN LÝ KINH TẾ (2 tín chỉ)

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành thuộc khối kiến thức chuyên ban, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Học phần còn đề cập đến hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế: người tiêu dùng, doanh nghiệp và Chính phủ. Mô hình cân bằng vĩ mô tổng quát. Lý thuyết tiêu dùng và đầu tư. Lạm phát và thất nghiệp. Tài trợ thiếu hụt ngân sách. Lý thuyết số lượng tiền. Nền kinh tế mở. Lý thuyết tăng trưởng kinh tế. Qua đó sinh viên được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các học phần kiến thức cơ sở ngành và ngành.

48C.1. TÁC PHẨM KINH ĐIỂN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN (3 tín chỉ)

Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những tác phẩm quan trọng của C. Mác, Ăngghen, Lênin như: Đấu tranh giai cấp ở Pháp, Phê phán cương lĩnh Gô-ta, Thà ít mà tốt... Từ đó, giúp sinh viên củng cố kiến thức cơ bản và chuyên sâu về mô hình chủ nghĩa xã hội và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

48C.2. CHUYÊN ĐỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức chuyên sâu về một số vấn đề quy luật, tính quy luật trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ đó giúp người học có khả năng phân tích đánh giá vấn đề chính trị - xã hội trong quá trình đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

48C.3. LÝ LUẬN VỀ DÂN CHỦ VÀ NHÂN QUYỀN (2 tín chỉ)

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành thuộc khối kiến thức chuyên ban, cung cấp cho sinh viên những kiến thức chính trị của đời sống xã hội, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dân chủ và quyền con người như: bản chất của dân chủ, bản chất của quyền con người, những quan niệm khác nhau trong lịch sử

về dân chủ và quyền con người, mối liên hệ tất yếu giữa dân chủ và quyền con người, quyền công dân... Môn học còn trang bị cho sinh viên những hiểu biết về quan điểm, chính sách của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam hiện nay trên lĩnh vực dân chủ và quyền con người.

48C.4. CHÍNH TRỊ QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY (2 tín chỉ)

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành thuộc khối kiến thức chuyên ban, cung cấp cho sinh viên những kiến thức: Khái niệm quan hệ chính trị quốc tế; cục diện chính trị quốc tế; nhà nước quốc gia - dân tộc với tư cách là chủ thể chính trị quốc tế; các tổ chức quốc tế và vai trò của chúng đối với nền chính trị quốc tế; các yếu tố tác động đến quan hệ chính trị quốc tế; cơ sở hình thành và sự vận hành các chính sách đối ngoại; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong quan hệ chính trị quốc tế hiện nay.

48D.1. TÁC PHẨM KINH ĐIỂN VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG (3 tín chỉ)

Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành thuộc khối kiến thức chuyên ban, cung cấp cho sinh viên những nội dung sâu sắc, cụ thể về các quan điểm chính trị trong một số tác phẩm kinh điển của C.Mác, Ph.Ăng ghen và Lênin gồm những tác phẩm phản ánh các quan điểm, học thuyết về các quy luật chung của sự phát triển lịch sử xã hội, đặc biệt là về các quy luật của quá trình biến đổi, phát triển thành chủ nghĩa xã hội từ chủ nghĩa tư bản và về sự phát triển của xã hội chủ nghĩa. Từ đó sinh viên nắm vững quá trình hình thành, biến đổi và phát triển các quan điểm chính trị cơ bản, qua thực tiễn thời kỳ Mác – Lênin, vận dụng và nắm vững đường lối chủ trương của Đảng ta trong xây dựng đất nước hiện nay.

48D.2. CHUYÊN ĐỀ LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (3 tín chỉ)

Học phần Một số chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam được kết cấu qua sự lựa chọn một số chuyên đề cơ bản về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam như: Nắm vững và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới toàn diện đất nước (1986 - 2016); Đảng lãnh đạo xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; Nguyên nhân thắng lợi và kinh nghiệm của quá trình Đảng lãnh đạo 30 năm chiến tranh cách mạng (1945 - 1975).

48D.3. CHUYÊN ĐỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (2 tín chỉ)

Học phần tập trung vào việc trang bị cho sinh viên những kiến thức có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh, trong đó tập trung vào những nội dung chủ yếu như tưởng nhân văn Hồ Chí Minh, phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh, tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, về ngoại giao, về phát triển kinh tế đi đôi với thực hành tiết kiệm; từ đó góp phần bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng

và rèn luyện bản lĩnh chính trị cho sinh viên, đồng thời giúp các em biết vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống.

48D.4. TÁC PHẨM KINH ĐIỂN CỦA HỒ CHÍ MINH (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản trong một số tác phẩm của Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam, rút ra giá trị lý luận và thực tiễn của tác phẩm.

49. NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM 1 (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết khái quát nhất về: trường THCS và THPT; vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ và những kỹ năng cần thiết của người giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên giảng dạy môn Giáo dục công dân và môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật. Học phần có mối quan hệ mật thiết với các học phần: Tâm lý học đại cương, Những vấn đề chung về giáo dục học, giao tiếp sư phạm, các môn về phương pháp dạy học chương trình môn Giáo dục công dân, môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật ở trường phổ thông.

50. NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM 2 (2 tín chỉ)

Học phần tập trung vào việc tổ chức cho sinh viên thực hành: Công tác giáo viên chủ nhiệm lớp; tổ chức các hoạt động giáo dục/hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; tư vấn học đường trong nhà trường trung học; giảng dạy chương trình môn Giáo dục công dân, môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật ở trường trung học. Học phần có mối quan hệ mật thiết với các học phần: Tâm lý học, Giáo dục học, Giao tiếp sư phạm và các môn phương pháp dạy học chương trình môn Giáo dục công dân ở trường phổ thông.

51. THỰC TẬP SƯ PHẠM 1 (2 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên bước đầu vận dụng những kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm được học tập, rèn luyện ở trường đại học vào quá trình thực tập công tác chủ nhiệm, thực tập công tác giảng dạy và các hoạt động đoàn thể ở trường phổ thông.

52. THỰC TẬP SƯ PHẠM 2 (6 tín chỉ)

Học phần giúp sinh viên vận dụng thành thạo những kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm được học tập, rèn luyện ở trường đại học vào quá trình thực tập công tác chủ nhiệm, thực tập công tác giảng dạy và các hoạt động đoàn thể ở trường phổ thông, trường chuyên nghiệp.

53A. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP (7 tín chỉ)

Học phần khóa luận tốt nghiệp là học phần tổng hợp các kiến thức của ngành Giáo dục công dân trong việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể có ý nghĩa bổ sung, làm hoàn chỉnh, phong phú thêm vốn kiến thức đã học trong nhà trường, bước đầu tập sự

giải quyết vấn đề thực tiễn bằng sức sáng tạo của mình dưới sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn.

53B.1. VẬN DỤNG SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VÀ TH TIỀN CÁCH MẠNG XHCN Ở VIỆT NAM (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức hợp thành ba bộ phận của chủ nghĩa Mác - Lênin và sự vận dụng vào quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Học phần cũng được vận dụng vào việc giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh thực tiễn và vào giảng dạy Chương trình Giáo dục Công dân, Giáo dục Kinh tế và pháp luật ở trường trung học hiện nay.

53B.2. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG THỜI KÌ ĐỔI MỚI (2 tín chỉ)

Học phần tập trung vào việc trang bị cho sinh viên những kiến thức có tính hệ thống về tư tưởng Hồ Chí Minh; về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới trên cơ sở vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần có quan hệ chặt chẽ với những học phần chuyên ngành chuyên sâu, nhất là các module có liên quan đến các kiến thức về văn hóa, đạo đức; về chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng.

53B.3. LÝ LUẬN VÀ THỰC HÀNH DẠY HỌC GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận chuyên sâu về dạy học Giáo dục chính trị ở trường cao đẳng, đại học, ở trung tâm giáo dục thường xuyên và trường chính trị. Đó là những vấn đề về các nguyên tắc dạy học, hình thức tổ chức dạy học chương trình Giáo dục chính trị; về phương pháp dạy học, kĩ thuật dạy học chương trình Giáo dục chính trị để giảng dạy các nội dung trong chương trình; vấn đề dạy học tích hợp trong chương trình Giáo dục chính trị và kiểm tra đánh giá trong dạy học chương trình Giáo dục chính trị theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực của người học.

5.2.5. Đề cương chi tiết học phần

(Xem Phụ lục Đề cương chi tiết học phần)

6. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO

6.1. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy thực hiện chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị trình độ đại học được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập, trải nghiệm; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

Phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập, trải nghiệm đạt các chuẩn đầu ra được chia thành hai nhóm:

- Nhóm phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập chủ động, gồm:

+ Phương pháp động não (Brainstorming) là phương pháp giúp sinh viên trong một thời gian ngắn nảy sinh được nhiều ý tưởng, nhiều giả định về một vấn đề nào đó, trong đó có nhiều ý tưởng sáng tạo. Thực hiện phương pháp này, giảng viên cần đưa ra một hệ thống các thông tin làm tiền đề cho buổi thảo luận.

+ Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ (Think - pair - share): Phương pháp này được thực hiện bằng cách cho các sinh viên cùng đọc tài liệu hoặc suy nghĩ về một chủ đề, sau đó các sinh viên ngồi bên cạnh nhau có thể trao đổi với nhau về ý kiến và kinh nghiệm của mỗi người một khoảng thời gian nhất định (khoảng vài phút), sau đó chia sẻ với cả lớp.

+ Phương pháp học dựa trên vấn đề (Problem based learning) giúp sinh viên xác định và hình thành vấn đề; đề xuất các giải pháp; trao đổi, phán xét, cân bằng trong hướng giải quyết.

+ Phương pháp hoạt động nhóm (Group based Learning) là chia lớp học thành từng nhóm nhỏ từ 5 đến 7 người. Tùy mục đích, yêu cầu của vấn đề học tập, các nhóm được phân chia ngẫu nhiên hay có chủ định, được duy trì ổn định hay thay đổi trong từng phần của học phần, được giao cùng một nhiệm vụ hay những nhiệm vụ khác nhau. Phương pháp hoạt động nhóm giúp các thành viên trong nhóm chia sẻ các băn khoăn, kinh nghiệm của bản thân, cùng nhau xây dựng nhận thức mới. Bằng cách nói ra những điều đang nghĩ, mỗi người có thể nhận rõ trình độ hiểu biết của mình về chủ đề nêu ra, thấy mình cần học hỏi thêm những gì.

+ Phương pháp đóng vai (Role playing) là phương pháp tổ chức cho sinh viên thực hành một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Phương pháp đóng vai có những ưu điểm: sinh viên được rèn luyện thực hành những kỹ năng ứng xử và bày tỏ thái độ trong môi trường an toàn trước khi thực hành trong thực tiễn; gây hứng thú và chú ý cho người học; tạo điều kiện làm nảy sinh óc sáng tạo của người học, kích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của người học theo chuẩn mực hành vi đạo đức và chính trị - xã hội, có thể thấy ngay tác động và hiệu quả của lời nói hoặc việc làm của các vai diễn.

- Nhóm phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập qua trải nghiệm, gồm:

+ Học dựa vào dự án (Project based Learning) là tổ chức việc dạy và học thông qua các dự án hay công trình thực tế. Từ đây người học sẽ tham gia vào thiết kế, đưa ra quyết định hay khảo sát các hoạt động có liên quan đến dự án. Với phương pháp học này, người học sẽ phải làm việc theo nhóm và khám phá những vấn đề gắn liền với cuộc

sống, sau đó sẽ thuyết trình trước lớp và chia sẻ những gì họ đã làm được trong dự án của mình.

+ Mô phỏng (Simulations) thường được dùng trong nghiên cứu khoa học, là quá trình phát triển mô hình hoá rồi mô phỏng một đối tượng cần nghiên cứu. Dựa trên những kết quả thu được sau quá trình mô phỏng, ta có thể rút ra hướng đi tiếp cho nghiên cứu và sản xuất về sau.

+ Nghiên cứu tình huống (Case studies) dựa trên các tình huống thực tế của cả học viên và giảng viên. Mục đích chính của các tình huống là để miêu tả, trao đổi kinh nghiệm về cách thức giải quyết vấn đề và những mâu thuẫn trong khi thực hiện công việc được giao. Bằng những tình huống khác nhau cần phải giải quyết trong khoảng thời gian định sẵn cùng nguồn lực có hạn, người học được đặt vào vị trí cần phải đưa ra quyết định hoặc kêu gọi sự hỗ trợ của các thành viên cùng nhóm để tìm hướng giải quyết hợp lí. Sự đa dạng của các tình huống được đưa lên không chỉ khuyến khích người học phát huy tính chủ động, óc sáng tạo mà còn đem đến sự thoải mái, sáng khoái về mặt tinh thần khi tham dự lớp.

+ Phương pháp học tập phục vụ cộng đồng (Service Learning) là một phương pháp dạy và học mà thông qua đó người học áp dụng được những kiến thức học được trong lớp vào điều kiện thực tế, đồng thời kết quả của quá trình học đáp ứng nhu cầu của cộng đồng và được cộng đồng sử dụng. Phương pháp này giúp người học có điều kiện tăng cường kiến thức học thuật, rèn luyện và phát triển các kỹ năng mềm như tư duy suy xét, phân biện, làm việc theo nhóm, giao tiếp, thuyết trình và các kỹ năng sống.

6.2. Đánh giá kết quả đào tạo

Đánh giá kết quả học tập theo từng học phần của chương trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hải Dương tại Quyết định số 471/QĐ-ĐHHD ngày 28/8/2023 của Hiệu trưởng. Cụ thể:

- Kết quả học tập học phần của sinh viên được đánh giá qua hai điểm thành phần là các điểm đánh giá thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần. Số bài đánh giá thường xuyên tương ứng với số tín chỉ của học phần:

Số tín chỉ	Số bài kiểm tra (đánh giá) thường xuyên
Từ 1 đến 2 tín chỉ	1 bài
Từ 3 đến 5 tín chỉ	2 bài
> 6 tín chỉ	3 bài

- Hình thức đánh giá: Tiểu luận, bài tập lớn, viết (tự luận, trắc nghiệm), vấn đáp thực hành, thực hành nộp điểm.

- Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn số đến một chữ số thập phân. Điểm đánh giá học phần được tổ hợp từ điểm đánh giá thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần như sau:

Thành phần đánh giá	Tỉ lệ
1. Trung bình điểm đánh giá thường xuyên	40%
2. Điểm thi kết thúc học phần	60%
3. Công thức tính điểm học phần Điểm học phần = (Trung bình điểm đánh giá thường xuyên x 4 + Điểm thi kết thúc học phần x 6)/10	

- Thang điểm đánh giá kết quả học tập học phần được quy định như sau:

Điểm chữ	Điểm 10 tương ứng	Quy ra thang điểm 4
A+	9.5 - 10	4.0
A	8.5 - 9.4	4.0
B+	8.0 - 8.4	3.5
B	7.0 - 7.9	3.0
C+	6.5 - 6.9	2.5
C	5.5 - 6.4	2.0
D+	5.0 - 5.4	1.5
D	4.0 - 4.9	1.0
F	< 4.0	0.0

7. Đội ngũ giảng viên và nhân viên hỗ trợ

Đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình Giáo dục chính trị, trình độ đại học gồm 44 giảng viên. Trong đó có:

- 01 Tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;

- 05 Tiến sĩ có chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình;

- Như vậy có 14 tiến sĩ, 30 thạc sĩ thực hiện chương trình.

Đội ngũ giảng viên nói trên có số lượng đảm bảo tỉ lệ sinh viên trên giảng viên không vượt quá mức quy định cho ngành đào tạo Giáo dục chính trị.

8. Cơ sở vật chất và công nghệ

Nhà trường có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành Giáo dục chính trị. Trong đó bao gồm:

- Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu: 160;

- Thư viện, trung tâm học liệu: 04;
- Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập: 15;
- Nhà kí túc xá 5 tầng: 04;
- Nhà dịch vụ: 01;
- Nhà ăn sinh viên: 02;
- Phòng tập thể thao, nhà tập đa năng: 02;
- Sân vận động, sân bóng đá cỏ nhân tạo: 02;
- Sân bóng chuyền: 02;
- Sân bóng rổ: 02.

Đề đào tạo ngành Giáo dục chính trị, nhà trường có thư viện, trung tâm học liệu với 427 đầu sách, gồm các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo để sinh viên học tập các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

KHOA ĐÀO TẠO

HIỆU TRƯỞNG